

Bản án số: **37/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 27 tháng 9 năm 2018

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Hường.

Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Hải Dương

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 219/2018/TLST- HN&GD ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXX- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị C**, sinh năm 1973.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Anh T**, sinh năm 1970.

Đều ĐKNKTT: xã T, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Đều trú tại: Số 5A, khu 4, L, phường N1, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1957.

Trú tại: 165 Nguyễn Thị Đ, phường H, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Chị C có mặt, anh T, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/4/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn là chị Trần Thị C trình bày: Chị và anh Hoàng Anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/01/1992. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hòa hợp, anh T có người phụ nữ khác nên thường xuyên xảy ra xung đột làm cho không khí gia đình căng thẳng và ngột ngạt ảnh hưởng đến con cái. Chị cũng

đã cố gắng để giữ cho mỗi quan hệ được tốt hơn, bố mẹ anh T cũng khuyên giải anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Đến nay chị xác định không thể chung sống cùng anh T vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Anh T1, sinh ngày 29/11/1992 và Hoàng Mai N, sinh ngày 07/3/2005. Cháu T1 đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết, cháu N có nguyện vọng được ở với chị nên chị đề nghị tòa án giao cháu N cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Nếu anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chị không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà và đất bê tông cốt thép 01 tầng diện tích 47,5m² nằm trên thửa đất 195 tờ bản đồ số 41 địa chỉ 54 B phố Đức Ch, khu 4, phường Ng, TP Hải Dương. Chị đề nghị Tòa án chia đôi nhà đất. Đến ngày 28/6/2018 chị đã rút yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã ra Quyết định đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung số 73/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2018.

Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải anh Hoàng Anh T là bị đơn trình bày: Anh và chị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C ghen tuông cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác, năm 2016 chị C làm đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, sau đó anh khuyên ngăn đã rút đơn về, vợ chồng sống hòa thuận đến ngày 10/4/2018 thì xảy ra mâu thuẫn do chị C đi đám cưới qua đêm không về nhà nên anh đã treo biển bán nhà và chị C làm đơn khởi kiện xin ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng mâu thuẫn không trầm trọng, con còn nhỏ chưa trưởng thành, nếu ly hôn con cái sẽ hư hỏng không có tương lai hạnh phúc. Sau đó anh T đã thay đổi lời khai, anh xác định chị C không tôn trọng anh, vợ chồng trong cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung mặc dù đã nhiều lần tìm biện pháp cải thiện, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị C xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Anh T1, sinh ngày 29/11/1992 và Hoàng Mai N, sinh ngày 07/3/2005. Cháu T1 đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết, cháu N có nguyện vọng được ở với chị C nên anh nhất trí giao cháu N cho chị C nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị C là 2.000.000đ/tháng thời gian từ tháng 5 năm 2018.

Về tài sản chung: Không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu và bản tự khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H trình bày như sau: Ngày 18/11/2017 bà có cho anh Hoàng Anh T vay số tiền là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 01 tháng tuy nhiên sau khi hết 01 tháng bà có yêu cầu anh T trả bà số tiền trên nhưng anh T khất lần không trả. Nay bà được biết vợ chồng anh T và chị C đang giải quyết ly hôn tại tòa án thành phố

Hải Dương. Do vậy bà đề nghị tòa án buộc cá nhân anh T phải trả cho bà số tiền 400.000.000đ.

Ngày 16/5/2018 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị C và anh T. Tại buổi làm việc chị C và anh T đều có quan điểm thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con.

Tòa án triệu tập anh Hoàng Anh T và bà Trần Thị H để hoà giải vào ngày 07/8/2018 và ngày 16/8/2018 và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T và bà H không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh T và đề nghị được nuôi dưỡng cháu Hoàng Mai N, sinh ngày 07/3/2005, và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đ/tháng thời gian từ tháng 5 năm 2018.

Anh T vắng mặt không có lý do. Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin rút yêu cầu đòi nợ.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 **Điều 147; khoản 2 Điều 227** Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Hoàng Anh T.

- Về con chung: Giao con cháu Hoàng Mai N, sinh ngày 07/3/2005 cho chị C nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị C 2.000.000đ/tháng.

- Về Nợ: Đình chỉ yêu cầu đòi nợ 400.000.000đ của bà H đối với anh Hoàng Anh T.

- Về Án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đó nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0003408 ngày 27/4/2018, Anh T phải chịu 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị C khởi

kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Hoàng Anh T, trú tại: Số 5A, khu 4, L, phường N1, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Anh T và bà Trần Thị Hiền đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị C và anh Hoàng Anh T là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian dài, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có sự hòa hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau, chị C đã một lần làm đơn ly hôn gửi đến tòa án nhân dân huyện Nam Sách sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn. Chị C và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị C xin ly hôn anh T đồng ý. Tòa án đã triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai ngày 07/8/2018 và ngày 16/8/2018 tuy nhiên anh T không có mặt, điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí muốn đoàn tụ với chị C. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị C được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Anh T1, sinh ngày 29/11/1992 và Hoàng Mai N, sinh ngày 07/3/2005. Cháu T1 đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Cháu N có nguyện vọng được ở với chị C. Chị C có nguyện vọng được nuôi cháu Nam, anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị là 2.000.000đ/tháng chị nhất trí. HĐXX thấy việc nuôi con anh chị đã tự thỏa thuận, chị C có thu nhập ổn định hiện chị C và cháu Mai N đang sống tại nhà của vợ chồng, cháu Mai N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, căn cứ quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX cần chấp nhận và chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị C.

[5] Về tài sản chung: Chị C đã rút yêu cầu chia tài sản nên HĐXX không phải xem xét.

[6] Về nợ : Bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả bà 400.000.000đ tuy nhiên bà H đã có đơn xin rút yêu cầu đòi nợ, căn cứ vào quy định tại điều 217, 218, 219 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ yêu cầu kiện đòi nợ của bà Trần Thị H.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí về

cấp dưỡng. Bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí nay bà H rút yêu cầu nên HĐXX không phải xem xét về tiền án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; điều 217, 219 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Hoàng Anh T.

+ Về quan hệ nuôi con: Giao con Hoàng Mai N, sinh ngày 07/3/2005 cho chị C nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị C là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 5.2018 cho đến khi con chung thành niên.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

+ Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d theo biên lai số AA/2016/0003408 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Hoàng Anh T phải nộp 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

+ Về Nợ: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về đòi nợ của bà Trần Thị H.

Chị Trần Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Hoàng Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết. Bà Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND T.P Hải Dương;
- Chi cục THADS T.P Hải Dương ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Thiện

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA